

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2023
V/v “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hữu Nhân;
- Bà Trương Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 494/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1976 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Số 81 N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 520 N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết H trình bày:

Trước khi cưới, chị và anh Nguyễn Thanh T tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn. Cả hai tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND thị trấn B, huyện A (nay là phường B, thị xã A). Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Khoảng năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu say và dùng vũ lực với chị. Nhiều lần anh T đánh chị ở vùng mắt dẫn đến hiện nay mắt chị bị tổn thương phải điều trị tại bệnh viện. Ngoài ra, anh T nghi ngờ chị không chung thủy. Có lần anh T đến nơi làm việc của chị để chửi bới xúc phạm chị. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2022 đến nay. Từ khi không còn sống chung, thỉnh thoảng hai vợ chồng có liên lạc nhưng anh T chỉ đe dọa chị chứ không có ý định hàn gắn tình cảm. Chị xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng có hai người con chung gồm: Nguyễn Trần Thanh T1, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2003 và Nguyễn Trần Thanh T2, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2007. Hiện nay Nguyễn Trần Thanh T1 đã thành niên, có khả năng lao động được nên chị không yêu cầu giải quyết. Cháu Nguyễn Trần Thanh T2 đang học lớp 10A8, trường THPT N1. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trần Thanh T2, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng:

Hoạt động tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Tuyết H. Giao người con chung tên Nguyễn Trần Thanh T2 cho chị Trần Thị Tuyết H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Tuyết H không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung vì chị Trần Thị Tuyết H không yêu cầu. Chị Trần Thị Tuyết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Tuyết H yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Thanh T có địa chỉ cư trú tại số 520 N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị H và anh T đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND thị trấn Bình Định, huyện A (nay là phường B, thị xã A). Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu say và dùng vũ lực với chị H, dẫn đến chị H bị tổn thương ở vùng mắt nên phải điều trị tại bệnh viện. Ngoài ra, anh T nghi ngờ chị H không chung thủy. Có lần anh T đến nơi làm việc của chị H để chửi bới xúc phạm chị H. Hiện nay chị H và anh T không còn sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2022 đến nay. Tòa đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T không đến Tòa để trình bày ý kiến. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H và anh T có hai người con chung gồm:

Nguyễn Trần Thanh T1, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2003 và Nguyễn Trần Thanh T2, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2007. Hiện nay Nguyễn Trần Thanh T1 đã thành niên, có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xét. Chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trần Thanh T2, xét nguyện vọng của cháu T2 muốn ở với mẹ và hiện nay cháu T2 đang ở với chị H nên giao cháu T2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chị Trần Thị Tuyết H được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

2. Giao con chung tên Nguyễn Trần Thanh T2, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2007 cho chị Trần Thị Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung vì đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005599 ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị Trần Thị Tuyết H đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A;
- Phòng KTNV & THA TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh